

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 19/2018/ HSST

Ngày: 19/ 01 /2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Lò Thị Chiến

- Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Xuân Định

Bà: Vàng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Bùi Tổng Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2017/HSST, ngày 27/ 11/2017 đối với các bị cáo:

1. Lầu A S Tên gọi khác: Lầu A C, sinh năm 1984 tại xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: bản G, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; trình độ văn hóa: Không; Con ông: Lầu Chờ S, sinh năm 1960 và bà: Thảo Thị D, sinh năm 1963; có vợ là Vàng Thị S, sinh năm 1987 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến 02/01/2018 được tại ngoại, Có mặt.

2. Thành Hu C Tên gọi khác: không, sinh năm 1986 tại xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: bản C, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: La Hủ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Không; con ông: Thành Xơ P, đã chết và bà: Ly Giò B, đã chết; có vợ là Vàng Và B, sinh năm 1982, và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến 02/01/2018 được tại ngoại, Có mặt.

3. Lò Văn T Tên gọi khác: Lò Văn D, sinh năm 1975 tại xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: bản H, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Mảng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Không; con ông: Lò Văn H, sinh năm 1952 và bà Pàn Thị C, sinh năm 1954; chung sống như vợ chồng với Phùng Ha P, sinh năm 1986, và có 01 con; tiền án không, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến 02/01/2018 được tại ngoại, Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Vàng Và B - sinh năm 1982, nơi cư trú: bản C, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; là vợ của Thành Hu C - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Lầu A S, sinh năm 1984, trú tại bản G, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu vào khoảng tháng 9/2016 một mình lên khu vực N thuộc bản G, xã T phát được một đám nương để gieo trồng cây thuốc phiện. Đến tháng 12/2016 S thu hoạch được 01 gói thuốc phiện, S cất giấu ở nhà. Đến sáng ngày 5/9/2017, S lấy toàn bộ số thuốc phiện cùng một chiếc cân tiểu ly tự tạo và một gói thuốc cảm đem xuống bản N, xã N, huyện M với mục đích bán thuốc phiện lấy tiền chi tiêu. Đến nơi S vào một lán nương thuộc bản N để đợi xem có ai mua thuốc phiện thì bán. Tại đây S gặp Lò Văn T, sinh năm 1975, trú tại bản H, xã V, huyện M nên S đã nhờ T đi mua thức ăn về nấu cơm, trong lúc T đang nấu cơm thì có Thành Hu C sinh năm 1986, trú tại bản C, xã B, huyện M điều khiển xe máy đến lán nương hỏi mua thuốc phiện với Lầu A S, qua trao đổi C mua 01 gói thuốc phiện với giá 150.000 đồng, S cho C 34 viên thuốc tân dược ký hiệu APC, bán cho C xong, biết T cũng là người nghiện nên S đã tự gạt một ít thuốc phiện từ gói thuốc phiện của S đưa cho T không lấy tiền.

Đến 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi T và S chuẩn bị ăn cơm, còn C đang ngồi gói lại số thuốc phiện và thuốc tân dược APC thì tổ công tác Công an huyện M và Công an xã N đến lán nương, phát hiện C đã vớt số thuốc phiện và thuốc tân dược APC(thuốc cảm) vừa mua được ra góc lán nương, còn S cầm 01 gói thuốc phiện, 01 gói thuốc tân dược APC và 01 chiếc cân tiểu ly của mình đem vớt vào trong bụi cỏ cách cửa lán nương 3,82 mét nhưng hành vi của S và C đều bị tổ công tác phát hiện. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện T đang cất giấu 01 gói thuốc phiện trong túi áo ngực đang mặc trên người và 01 gói Hêrôin trong túi vải màu nâu treo trên cột lán nương, số Hêrôin do T xin của một người đàn ông dân tộc Mông lạ mặt tại lán nương vào buổi sáng trước khi bị bắt. Hành vi của các bị cáo vi phạm pháp luật, Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời mời cơ quan chức năng khám nghiệm hiện trường và thu giữ toàn bộ vật chứng, thu giữ của Lầu A S gồm: 01 gói thuốc phiện khối lượng 32,46 gam, 108 viên thuốc tân dược APC, 01 chiếc cân tiểu ly dùng để cân thuốc phiện, thu 150.000 đồng do bán thuốc phiện cho Thành Hu C mà có, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE và tạm thu giữ của S 3.685.000 đồng; Thu giữ của Thành Hu C 01 gói thuốc phiện khối lượng 7,19 gam, 34 viên thuốc tân dược APC, 01 chiếc xe máy BKS18P3-5036 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA; Thu giữ của Lò Văn T tức (Lò Văn D) 01 gói thuốc phiện khối lượng 1,04 gam, 01 gói Hêrôin khối lượng 0,16 gam, 01 túi vải màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu FPT và tạm giữ của Thành 1.720.000 đồng

để điều tra làm rõ vụ án. Tại các bút lục: “ *Bản bắt người phạm tội quả tang BL 01-02; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường BL 03-05; Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản tạm thu giữ đồ vật, tài sản BL11-18; Lời khai của Lầu A S BL 119 -142; Lời khai của Thành Hu C BL 143- 162; Lời khai của Lò Văn T (Lò Văn D) BL 163- 180*”.

Tại bản kết luận giám định tư pháp ngày 05/9/2017 giám định theo vụ việc Công an huyện Mường Tè và Kết luận giám định số: 402/GĐ-KTHS ngày 12/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận:

“*Chất nhựa dẻo, màu nâu đen có mùi hắc của Lầu A S gửi giám định có khối lượng 32,64 gam là Thuốc phiện;*

Chất nhựa dẻo, màu nâu đen có mùi hắc của Thành Hu C gửi giám định có khối lượng 7,19 gam là Thuốc phiện;

Chất nhựa dẻo, màu nâu đen có mùi hắc của Lò Văn T tức (Lò Văn D) gửi giám định có khối lượng 1,04 gam là Thuốc phiện và chất bột khô vón cục màu trắng của Lò Văn T gửi đến giám định có khối lượng 0,16 gam là Hêrôin” theo bản kết luận giám định tư pháp BL 29-30 và bản kết luận giám định BL 53-45.

Các bị cáo Lầu A S, Thành Hu C và Lò Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố tại bản cáo trạng số 57/KSĐT-MT ngày 27/11/2017 cụ thể:

Truy tố:

Lầu A S (Lầu A C) về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Nay khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/01/2018.

Thành Hu C và Lò Văn T (Lò Văn D) về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Nay khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/01/2018.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh:

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lầu A S tức (Lầu A C) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Thành Hu C và Lò Văn T (Lò Văn D) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+Áp dụng điều luật: khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; nay là khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/01/2018; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lầu A S tức (Lầu A C) từ 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng tù đến 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam là 04 (Bốn) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

+Áp dụng điều luật: khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; nay là khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/01/2018; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Thàng Hu C từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam là 04 (Bốn) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T (Lò Văn D) từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam là 04 (Bốn) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

+ Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Lầu A S, Thàng Hu C, Lò Văn T nhận tội; không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; Lời nói lời sau cùng của các bị cáo đều thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, sửa chữa những sai lầm đã mắc phải và hứa sẽ cải tạo để trở thành người tốt có ích cho xã hội, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt, với mức án thấp nhất, để sớm trở về với gia đình, cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Mường Tè, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/1/ 2018, các bị cáo Lầu A S, Thàng Hu C và Lò Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định: 402/GĐ-KTHS ngày 12/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với mục đích kiếm lời từ việc bán chất ma túy, ngày 05/9/2017 tại lán nương thuộc bản N, xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu, Lầu A S đã bán 01 gói thuốc phiện có khối lượng 7,19 gam cho Thàng Hu C với giá trị 150.000 đồng. Công an huyện M và Công an xã N bắt quả tang đã thu giữ của các bị cáo:

Lầu A S 01 gói thuốc phiện khối lượng 32,46 gam, 108 viên thuốc tân dược APC, 01 chiếc cân tiểu ly dùng để cân thuốc phiện, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE và 3.685.000 đồng;

Thàng Hu C 01 gói thuốc phiện khối lượng 7,19 gam, 34 viên thuốc tân dược APC, 01 chiếc xe máy BKS18P3-5036 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA;

Lò Văn T tức (Lò Văn D) 01 gói thuốc phiện khối lượng 1,04 gam, 01 gói Hêrôin khối lượng 0,16 gam, 01 túi vải màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu FPT và 1.720.000 đồng.

Như vậy hành vi của các bị cáo:

Lầu A S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; nay là khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/01/2018, tại điều luật qui định: “*Người nào Mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm*”.

Thàng Hu C và Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; nay là khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/01/2018. tại điều luật qui định: “*Người nào Tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm*”

...b) Nhựa thuốc phiện có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Lời khai của các bị cáo Lầu A S, Thành Hu C và Lò Văn T đều khớp nhau về việc thực hiện hành vi phạm tội, kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, các bị cáo nhận thức được tác hại của thuốc phiện gây nghiện làm hại cho sức khỏe, các bị cáo nhận thức được những quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, nghiêm cấm việc trồng cây thuốc phiện, trao đổi, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi của mình gây ra. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dẫn dắt giáo dục đối với các bị cáo.

Bị cáo Lầu A S có khai nhận về hành vi trồng cây thuốc phiện ở trên nương, trong quá trình điều tra xét thấy về hành vi đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo điều 192 Bộ luật hình sự năm 1999 nay điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/1/2018. HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét về nhân thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sinh ra và lớn lên xây dựng gia đình, làm ăn tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng. Xét về tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lầu A S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Lò Văn T tháng 7/2003 bị cưỡng chế đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở Thanh Hà- Vĩnh Phúc, đến tháng 5/2005 chấp hành xong trở về địa phương tính đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa tiền sự. Các bị cáo C và T là người nghiện chất ma túy. Các bị cáo nhất thời phạm tội. Trong quá trình điều tra, tại phiên toà các bị cáo S, T và C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, dân tộc Mông, La Hủ, Mảng sống ở vùng sâu, vùng xa nơi đặt biệt khó khăn, các bị cáo không biết chữ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999 nay điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/1/2018.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nay khoản 5 điều 249; khoản 5 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/1/2018. Các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, xét thấy điều kiện hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo Lầu A S, Thành Hu C, Lò Văn T khó khăn, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

- Số thuốc phiện 31,15 gam của Lầu A S là vật chứng còn lại, đây là chất ma túy vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy, 108 viên thuốc tân dược APC là thuốc cảm dùng để hút cùng với thuốc phiện, 01 chiếc cân tiểu ly dùng để cân thuốc phiện;

- Số thuốc phiện 6,2 gam của Thành Hu C là vật chứng còn lại, đây là chất ma túy vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy, 34 viên thuốc tân dược APC là thuốc cảm dùng để hút cùng với thuốc phiện và 01 túi vải màu nâu của Lò Văn T, bị cáo dùng để đựng chất ma túy không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy. Căn cứ, điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 nay điều 47 Bộ luật hình sự 2015, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nay điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 150.000 đồng của Lầu A S do bán thuốc phiện mà có, Căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 nay điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nay điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE của Lầu A S, bị cáo dùng để liên lạc với người thân; 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA của Thành Hu

C, bị cáo dùng để liên lạc với người thân và 01 chiếc xe máy BKS18P3-5036 là phương tiện đi lại của gia đình bị cáo C khi bị bắt không liên quan việc phạm tội; Thu giữ của Lò Văn T tức (Lò Văn D) 01 điện thoại di động hiệu FPT, bị cáo dùng để liên lạc với người thân và thu giữ tiền mặt 1.720.000 đồng là tiền của gia đình bị cáo không dùng vào mua bán chất ma túy, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 nay điều 47 Bộ luật hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nay điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận về xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Tè, trả lại tiền 3.685.000 đồng cho Lầu A S là tài sản của gia đình S không liên quan đến việc phạm tội, là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị cáo Lầu A S thuộc hộ nghèo của xã T, tại phiên tòa bị cáo xin được miễn giảm án phí, căn cứ điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 236/QH14 Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lầu A S tức (Lầu A C) phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/1/2018.

Xử phạt bị cáo Lầu A S tức (Lầu A C) 03 (Ba) năm tù, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam 04 (Bốn) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

-Tuyên bố bị cáo Thành Hu C phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Nay khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/1/2018.

Xử phạt bị cáo Thành Hu C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam 04 (Bốn) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đưa đi thi hành án.

-Tuyên bố bị cáo Lò Văn T (Lò Văn D) phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Nay khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung có hiệu lực ngày 01/1/2018.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ tạm giam 04 (Bốn) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đưa đi thi hành án.

2.Về xử lý vật chứng áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/1/2018.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy 31,15 gam thuốc phiện vật chứng còn lại, 108 viên thuốc tân dược APC và 01 chiếc cân tiểu ly dùng để cân thuốc phiện của Lầu A S;

+Tuyên tịch thu tiêu hủy 6,2 gam thuốc phiện vật chứng còn lại, 34 viên thuốc tân dược APC của Thành Hu C và 01 túi vải màu nâu của bị cáo Lò Văn T.

+Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng của Lầu A S do phạm tội mà có.

+Trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE cho Lầu A S;

+Trả 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA và 01 chiếc xe máy BKS18P3-5036 cho Thành Hu C;

+ Trả 01 điện thoại di động hiệu FPT và tiền mặt 1.720.000 đồng cho Lò Văn T tức (Lò Văn D).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lầu A S không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Thành Hu C, Lò Văn T (Lò Văn D) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lai Châu
- CA huyện Mường Tè
- VKSND huyện Mường Tè
- CCTHA huyện Mường Tè
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
- Các Bị cáo
- Người có QLVNQLQ
- Lưu hồ sơ

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lò Thị Chiến

